

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ cho người phải cách ly y tế
trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 75/TTr-SYT ngày 18/02/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách do Sở Y tế lập kèm theo Tờ trình số 75/TTr-SYT ngày 18/02/2022 và kinh phí hỗ trợ cho người phải cách ly y tế trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, cụ thể như sau:

Stt	Loại đối tượng	Số lượng	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền/người/ngày	Thành tiền
-----	----------------	----------	---------------------------	--------------------	------------

1	- Chính sách hỗ trợ trẻ em (chính sách số 07 - mức 1.000.000 đồng/trẻ)	34		1.000.000	34.000.000
2	- Chính sách hỗ trợ cho người phải điều trị COVID-19, cách ly y tế (chính sách số 08 - mức 80.000 đồng/người/ngày)	217	2.373	80.000	189.840.000
	Tổng cộng:				223.840.000
	Bằng chữ:	Hai trăm hai mươi ba triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng			

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Căn cứ danh sách đối tượng và kinh phí được phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện An Biên chịu trách nhiệm triển khai hỗ trợ kịp thời cho đối tượng; quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về các cơ quan chuyên môn theo quy định.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện An Biên chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về đối tượng nhận hỗ trợ trên địa bàn phụ trách và chỉ đạo lưu trữ hồ sơ theo quy định.

2. Giao Giám đốc các Sở, ngành: Y tế, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh Kiên Giang theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan hướng dẫn đơn vị về quy trình, thủ tục thực hiện các nội dung có liên quan và thanh toán, quyết toán kinh phí theo đúng quy định, tổ chức giám sát, theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện các nội dung tại Điều 1 của Quyết định này; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (thông qua Sở Y tế).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Y tế, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh Kiên Giang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện An Biên và Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh và cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 của QĐ;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Sở Lao động - TBXH;
- Chánh, Phó CVP;
- Công TTĐT tỉnh;
- Phòng KGVX, CVNC;
- Lưu: VT, pthtran, "HT".

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Lưu Trung

Số: 75 /TTr-SYT

Kiên Giang, ngày 18 tháng 02 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt danh sách thực hiện chính sách hỗ trợ đối với người điều trị Covid-19, cách ly y tế và hỗ trợ cho đối tượng trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi kết thúc điều trị Covid-19, cách ly y tế trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang

VP. UBND TỈNH KG	
Số: 1045	ĐẾN
Ngày: 18/02/2022	Chuyển: He Truân
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang

Thực hiện Công văn số 126/UBND-KGVX ngày 07/12/2021 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08/10/2021 của Chính phủ và Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021 của Chính phủ, sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang,

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện An Biên tại Tờ trình số 06/TTr-UBND ngày 17/01/2022; về việc phê duyệt danh sách thực hiện chính sách hỗ trợ đối với người phải điều trị Covid-19, cách ly y tế; hỗ trợ thêm đối với trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật trên địa bàn huyện An Biên.

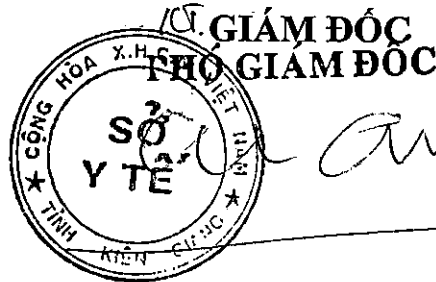
Sở Y tế đã tiếp nhận danh sách đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện An Biên. Qua đó, Sở Y tế tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ đối với 251 trường hợp với tổng số tiền **223.840.000 đồng** (Hai trăm hai mươi ba triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng) cho người phải cách ly y tế.

(Kèm theo Bảng tổng hợp, Phụ lục 08c, dự thảo Quyết định phê duyệt).

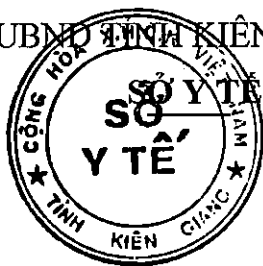
Sở Y tế trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ Sở;
- Trang: HSCV;
- Phòng KH-TC SYT;
- Lưu: VT, TCCB, Ivtrung.



Nguyễn Trúc Giang

**BẢNG TỔNG HỢP**

**Hỗ trợ người phải điều trị COVID-19,
cách ly y tế theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ
và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg của
Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang**

(Kèm theo Tờ trình số *77* /TTr-SYT ngày *18* /02/2022 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang

Stt	Loại đối tượng	Số lượng	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền/người/ngày	Thành tiền
1	- Chính sách hỗ trợ trẻ em (chính sách số 07 - mức 1.000.000 đồng/trẻ)	34		1.000.000	34.000.000
2	- Chính sách hỗ trợ cho người phải điều trị COVID-19, cách ly y tế (chính sách số 08 - mức 80.000 đồng/người/ngày)	217	2.373	80.000	189.840.000
	Tổng cộng:				223.840.000
	Bằng chữ:	<i>Hai trăm hai mươi ba triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng</i>			

UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ Y TẾ

Mẫu số 08c
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH F0, F1, TRẺ EM, NGƯỜI KHUYẾT TẬT, NGƯỜI CAO TUỔI NHẬN HỖ TRỢ

(Kèm theo Tờ trình số:...../TTr- SYT ngày 18/02/2022 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ					
I	F1, FO NHẬN HỖ TRỢ							
1	Nguyễn Văn Hôn	23/9/1992		Khu phố 3, thị trấn Thứ Ba	02/12/2021	800.000		F0
2	Phạm Thị Lai		17/3/1953	Khu phố 3, thị trấn Thứ Ba	02/12/2021	960.000		F0
3	Đặng Trường Vi		17/7/1998	ấp Rọc Năng, xã Hưng Yên	15/9/2021	1.120.000		F1
4	Đỗ Thị Lệ		1/1/1962	ấp Xẻo Rô, xã Hưng Yên	20/7/2021	1.120.000		F1
5	Ngô Thị Hoá		1/1/1960	ấp Xẻo Rô, xã Hưng Yên	20/7/2021	1.120.000		F1
6	Nguyễn Văn Mọc	6/12/1969		ấp Bàu Môn, xã Hưng Yên	20/7/2021	1.120.000		F1
7	Quách Hồng Hào	8/10/1995		ấp Bàu Môn, xã Hưng Yên	20/7/2021	1.120.000		F1
8	Mai Thị Bích Dung		1/1/1971	ấp Bàu Môn, xã Hưng Yên	20/7/2021	1.120.000		F1
9	Võ Lâm Mai Phương		20/12/2000	ấp Rọc Năng, xã Hưng Yên	16/8/2021	1.120.000		F1
10	Nguyễn Thị Ngọc Cẩm		6/12/2001	ấp Lô 3, xã Hưng Yên	01/12/2021	800.000		F0
11	Nguyễn Văn Bảo	10/6/1985		ấp Lô 15, xã Hưng Yên	03/11/2021	1.360.000		F0
12	Nguyễn Thị Tư		1/1/1961	ấp Cái Nước, xã Hưng Yên	03/11/2021	1.120.000		F0
13	Nguyễn Thị Lùng		1/1/1963	ấp Lô 15, xã Hưng Yên	04/11/2021	720.000		F0
14	Dương Thị Út		1/1/1958	ấp Lô 15A, xã Hưng Yên	06/11/2021	720.000		F0
15	Bùi Thị Nhỏ		1/1/1972	ấp Lô 15A, xã Hưng Yên	06/11/2021	1.280.000		F0
16	Trần Phú Trường	6/6/1996		ấp Xẻo Rô, xã Hưng Yên	05/12/2021	800.000		F0
17	Lê Văn Lý	8/2/1998		ấp Rọc Năng, xã Hưng Yên	05/11/2021	560.000		F0
18	Phạm Văn Nhứt	1/1/1974		ấp Cái Nước, xã Hưng Yên	02/12/2021	800.000		F0
19	Nguyễn Thị Tiết		1/1/1950	ấp Cái Nước, xã Hưng Yên	02/12/2021	960.000		F0
20	Nguyễn Quốc Khải	19/7/2003		ấp Lô 3, xã Hưng Yên	05/11/2021	880.000		F0

CÔNG

21	Phạm Thị Tuyết	19/9/1981		ấp Lô 3, xã Hưng Yên	08/11/2021	640.000		F0
22	Nguyễn Văn Thắng	9/9/1974		ấp Lô 3, xã Hưng Yên	08/11/2021	640.000		F0
23	Nguyễn Thị Bé Hai		1/1/1975	ấp Lô 15, xã Hưng Yên	05/11/2021	640.000		F0
24	Nguyễn Văn Tiền	10/1/1999		ấp Xèo Rô, xã Hưng Yên	09/11/2021	1.120.000		F0
25	Đặng Thị Lan		1/1/1969	ấp Lô 15, xã Hưng Yên	04/11/2021	720.000		F0
26	Lê Thanh Nam	10/8/1983		ấp Xèo Rô, xã Hưng Yên	26/11/2021	800.000		F0
27	Nguyễn Thị Bích Loan		1/1/1992	ấp Cái Nước, xã Hưng Yên	26/11/2021	720.000		F0
28	Nguyễn Thị Tư		8/20/1988	ấp Lô 15A, xã Hưng Yên	01/12/2021	800.000		F0
29	Nguyễn Kim Ngân		2/12/2002	ấp Lô 3, xã Hưng Yên	02/12/2021	800.000		F0
30	Mai Thị Hai		1/1/1945	ấp Lô 3, xã Hưng Yên	02/12/2021	800.000		F0
31	Phan Văn Trí	1/1/1960		ấp Lô 15, xã Hưng Yên	09/12/2021	960.000		F0
32	Lâm Thu Hà		1/20/1964	ấp Lô 15, xã Hưng Yên	09/12/2021	800.000		F0
33	Trần Kim Hai		1/1/1968	ấp Kinh Mới, xã Hưng Yên	08/12/2021	800.000		F0
34	Phạm Văn Cò	1/1/1972		ấp Kinh Mới, xã Hưng Yên	19/11/2021	960.000		F0
35	Nguyễn Tổ Nguyên		4/10/1984	ấp Kinh Mới, xã Hưng Yên	12/12/2021	960.000		F0
36	Bùi Thị Triệu		1/1/1968	ấp Kinh Mới, xã Hưng Yên	07/12/2021	800.000		F0
37	Danh Đức	9/6/1991		ấp Bàu Môn, xã Hưng Yên	15/12/2021	960.000		F0
38	Huỳnh Thị Sanh		1/1/1972	ấp Kinh Mới, xã Hưng Yên	09/12/2021	800.000		F0
39	Nguyễn Lữ Bảo Hân		5/15/2003	ấp Lô 3, xã Hưng Yên	17/12/2021	800.000		F0
40	Tạ Kim Định	15/8/1986		ấp Xèo Rô, xã Hưng Yên	05/11/2021	560.000		F0
41	Mai Thanh Nhã	14/1/2009		ấp Xèo Rô, xã Hưng Yên	20/7/2021	1.120.000		F1 TE
42	Mai Khanh		20/8/2014	ấp Xèo Rô, xã Hưng Yên	20/7/2021	1.120.000		F1 TE
43	Nguyễn Trọng Khang	10/10/2011		ấp Lô 15, xã Hưng Yên	08/11/2021	400.000		F0 TE
44	Đặng Huy Khánh	25/2/2009		ấp Xèo Rô, xã Hưng Yên	08/11/2021	800.000		F0 TE
45	Lê Thanh Tú	5/17/2009		ấp Xèo Rô, xã Hưng Yên	26/11/2021	800.000		F0 TE
46	Trần Minh Đức	11/22/2019		ấp Cái Nước, xã Hưng Yên	26/11/2021	720.000		F0 TE
47	Dương Thắng Trần	5/13/2019		ấp Lô 3, xã Hưng Yên	02/12/2021	800.000		F0 TE
48	Nguyễn Thị Mạnh		6/7/1984	ấp Yên Quý, xã Nam Yên	20/7/2021	1.120.000		F1
49	Lý Kim Thiện	11/11/1987		ấp Bào Trâm, xã Nam Yên	03/09/2021	1.120.000		F1
50	Trần Ngọc Điệp		1/1/1973	ấp 3 Biển, xã Nam Yên	19/7/2021	1.120.000		F1
51	Huỳnh Phi Khang	14/12/1992		ấp Yên Quý, xã Nam Yên	25/8/2021	1.280.000		F1
52	Nguyễn Thanh Vũ	2/7/1975		ấp 3 Biển B, xã Nam Yên	25/8/2021	1.280.000		F1

53	Nguyễn Thanh Hương	1/1/1977		ấp 3 Biển B, xã Nam Yên	25/8/2021	1.280.000		F1
54	Nguyễn Văn Bé	1/1/1986		ấp 3 Biển B, xã Nam Yên	25/8/2021	1.280.000		F1
55	Trương Văn Tèo	1/1/1989		ấp 3 Biển B, xã Nam Yên	25/8/2021	1.280.000		F1
56	Trần Hữu Nghĩa	12/3/2002		ấp 3 Biển B, xã Nam Yên	25/8/2021	1.280.000		F1
57	Nguyễn Thanh An	23/11/2001		ấp 3 Biển B, xã Nam Yên	25/8/2021	1.280.000		F1
58	Thị Sâm Pô		1/1/2000	ấp Bào Trâm, xã Nam Yên	15/7/2021	800.000		F1
59	Danh Thành Đi	31/12/1988		ấp Bào Trâm, xã Nam Yên	10/07/2021	1.600.000		F1
60	Thị Hiền		1/1/1979	ấp Bào Trâm, xã Nam Yên	07/12/2021	800.000		F0
61	Thị Bang		1/1/1983	ấp Bào Trâm, xã Nam Yên	24/11/2021	800.000		F0
62	Danh Tài	1/1/1975		ấp Bào Trâm, xã Nam Yên	20/11/2021	800.000		F0
63	Huỳnh Thị Hoa		1/1/1963	ấp 2 Xáng. Xã Nam Yên	11/11/2021	880.000		F0
64	Danh Thị Hiền		1/1/1978	ấp Bào Trâm, xã Nam Yên	20/11/2021	800.000		F0
65	Hà Thị Trúc		15/12/1986	ấp 2 Trong. Xã Nam Yên	27/11/2021	800.000		F0
66	Nguyễn Thị Lan		2/2/1979	ấp Yên Quý, xã Nam Yên	18/11/2021	960.000		F0
67	Huỳnh Phú Đức	2/9/1987		ấp Yên Quý, xã Nam Yên	18/11/2021	960.000		F0
68	Danh Sóc Pul	1/1/1989		ấp Bào Trâm, xã Nam Yên	19/11/2021	800.000		F0
69	Danh Khách	1/1/1989		ấp Bào Trâm, xã Nam Yên	19/11/2021	800.000		F0
70	Danh Phách	1/1/1986		ấp Bào Trâm, xã Nam Yên	19/11/2021	800.000		F0
71	Nguyễn Thị Cẩm Huyền		26/12/2007	ấp Yên Quý, xã Nam Yên	22/11/2021	960.000		F0 TE
72	Thị Ngọc Thảo		29/9/2019	ấp Bào Trâm, xã Nam Yên	24/11/2021	960.000		F0 TE
73	Danh Thị Cẩm Tú		4/1/2008	ấp Bào Trâm, xã Nam Yên	15/7/2021	800.000		F1 TE
74	Trần Lệ Trinh		1/1/1980	ấp 6 Biển, xã Nam Thái	23/8/2021	1.440.000		F1
75	Nguyễn Thanh Tuấn	29/9/1979		ấp 6 Đình, xã Nam Thái	16/7/2021	1.120.000		F1
76	Huỳnh Thị Nhi		1/1/1962	ấp 5 Biển B, xã Nam Thái	16/7/2021	1.120.000		F1
77	Huỳnh Thị Thôi		1/1/1963	ấp 5 Biển B, xã Nam Thái	16/7/2021	1.120.000		F1
78	Danh Tấn Toàn	1/1/1975		ấp Bào Láng, xã Nam Thái	15/7/2021	800.000		F1
79	Thị Chấm Pa		1/1/1980	ấp Bào Láng, xã Nam Thái	15/7/2021	800.000		F1
80	Nguyễn Văn E	1/1/1981		ấp 6 Đình, xã Nam Thái	17/11/2021	800.000		F0
81	Huỳnh Thị Cẩm Hằng		1/1/1992	ấp 6 Biển, xã Nam Thái	18/11/2021	800.000		F0
82	Trương Ngọc Diễm		1/1/1976	ấp 6 Biển, xã Nam Thái	18/11/2021	960.000		F0
83	Trương Thị Vê		1/1/1969	ấp 6 Biển, xã Nam Thái	18/11/2021	800.000		F0

84	Nguyễn Thị Mỹ Thuý		1/1/1978	ấp 6 Đình, xã Nam Thái	12/12/2021	800.000		F0
85	Huỳnh Thị Kiều		1/1/1988	ấp 5 Biền B, xã Nam Thái	05/11/2021	640.000		F0
86	Võ Thị Cẩm Nhung		16/10/1990	ấp 6 Đình, xã Nam Thái	13/11/2021	800.000		F0
87	Trần Huỳnh Kha		8/3/1983	ấp 5 Biền B, xã Nam Thái	05/11/2021	640.000		F0
88	Nguyễn Văn Khang	4/6/2001		ấp 6 Biền, xã Nam Thái	16/11/2021	800.000		F0
89	Lê Trường Vũ	6/5/1982		ấp 5 Biền B, xã Nam Thái	16/11/2021	800.000		F0
90	Trần Minh Trung	1/1/1987		ấp 6 Đình, xã Nam Thái	16/11/2021	800.000		F0
91	Trương Thanh Thoảng	12/11/1988		ấp 6 Biền, xã Nam Thái	21/11/2021	800.000		F0
92	Huỳnh Văn Tiếp	1/1/1982		ấp 5 Biền B, xã Nam Thái	05/11/2021	640.000		F0
93	Võ Thị Ngon		1/1/1958	ấp 5 Biền B, xã Nam Thái	05/11/2021	640.000		F0
94	Danh Đa	1/1/1971		ấp Bào Láng, xã Nam Thái	13/11/2021	960.000		F0
95	Lý Thị Diễm		1/1/1981	ấp Bào Láng, xã Nam Thái	13/11/2021	960.000		F0
96	Trương Thị Điều		1/1/1963	ấp 6 Biền, xã Nam Thái	17/11/2021	800.000		F0
97	Nguyễn Thị Ngọc Loan		1/1/1987	ấp 6 Đình, xã Nam Thái	17/11/2021	800.000		F0
98	Thị Ngọc Điệp		7/11/1990	ấp Bào Láng, xã Nam Thái	15/11/2021	800.000		F0
99	Danh Danh	1/1/1986		ấp Bào Láng, xã Nam Thái	19/11/2021	800.000		F0
100	Lê Thị Kết		1/1/1961	ấp 6 Biền, xã Nam Thái	17/11/2021	960.000		F0
101	Huỳnh Văn Trục	1/1/1980		ấp 5 Biền B, xã Nam Thái	07/11/2021	480.000		F0
102	Nguyễn Thị Vàng		12/4/1982	ấp 5 Biền A, xã Nam Thái	05/11/2021	880.000		F0
103	Trần Hùng Thiên	20/8/1989		ấp 5 Biền A, xã Nam Thái	05/11/2021	560.000		F0
104	Nguyễn Thị Bé Hai		1/1/1961	ấp 5 Biền A, xã Nam Thái	04/11/2021	720.000		F0
105	Nguyễn Mỹ Tâm		18/10/2012	ấp 6 Đình, xã Nam Thái	12/12/2021	800.000		F0 TE
106	Huỳnh Văn Tới	10/1/2009		ấp 5 Biền A, xã Nam Thái	08/11/2021	640.000		F0 TE
107	Trần Võ Minh Long	3/12/2015		ấp 6 Đình, xã Nam Thái	16/11/2021	960.000		F0 TE
108	Phan Huy Hoàng	25/3/2015		ấp 5 Biền A, xã Nam Thái	05/11/2021	640.000		F0 TE
109	Huỳnh Trục Chiến	1/9/2008		ấp 5 Biền A, xã Nam Thái	07/11/2021	480.000		F0 TE
110	Trần Võ Minh Phát	26/10/2019		ấp 6 Đình, xã Nam Thái	16/11/2021	960.000		F0 TE
111	Danh Lê Phương Uyên		25/12/2006	ấp 6 Đình, xã Nam Thái	18/11/2021	800.000		F0 TE
112	Huỳnh Văn Luân	8/10/2012		ấp 5 Biền B, xã Nam Thái	05/11/2021	640.000		F0 TE
113	Trần Thị Huyền Trân		4/5/2013	ấp 5 Biền A, xã Nam Thái	05/11/2021	640.000		F0 TE

114	Trần Thị Thảo Nguyễn		8/12/2008	ấp 5 Biền A, xã Nam Thái	05/11/2021	640.000		F0 TE
115	Trần Nguyễn Hồng Ngọc		3/2/2013	ấp 5 Biền, xã Nam Thái	08/11/2021	640.000		F0 TE
116	Thị Nguyên		8/12/2016	ấp Bào Láng, xã Nam Thái	13/11/2021	800.000		F0 TE
117	Danh Trắng	3/27/2020		ấp Bào Láng, xã Nam Thái	19/11/2021	320.000		F0 TE
118	Thị Nhung		2/19/2018	ấp Bào Láng, xã Nam Thái	13/11/2021	800.000		F0 TE
119	Trần Văn Tấn	19/6/1974		ấp 2 Tốt, xã Tây Yên A	03/10/2021	1.120.000		F1
120	Trần Văn Út	10/7/1984		ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	26/10/2021	640.000		F1
121	Nguyễn Văn Nhứt	1/1/1989		ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	25/10/2021	640.000		F1
122	Huỳnh Thanh Long	9/1/1996		ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	25/10/2021	640.000		F1
123	Huỳnh Văn Diên	1/1/1975		ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	26/10/2021	640.000		F1
124	Nguyễn Văn Bình	1/1/1975		ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	25/10/2021	640.000		F1
125	Trần Văn Vinh	1/1/1984		ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	25/10/2021	640.000		F1
126	Huỳnh Văn Diên	1/1/1967		ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	26/10/2021	640.000		F1
127	Hồ Hoàng Gấm	1/1/1960		ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	26/10/2021	640.000		F1
128	Trần Minh Trí	1/1/1964		ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	25/10/2021	640.000		F1
129	Nguyễn Xế Em	5/7/1989		ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	25/10/2021	640.000		F1
130	Trần Văn Thăm	1/1/1986		ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	25/10/2021	640.000		F1
131	Phan Minh Sơn	9/9/1980		ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	25/10/2021	640.000		F1
132	Lê Văn Hiệp	10/10/1954		ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	25/10/2021	640.000		F1
133	Lê Thanh Diên	1/1/1981		ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	25/10/2021	640.000		F1
134	Danh Tài	9/10/1979		ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	25/10/2021	640.000		F1
135	Phạm Thị Út		1/1/1969	ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	26/10/2021	640.000		F1
136	Phạm Thị Nhiều		1/1/1945	ấp Mường 40, xã Tây Yên A	16/7/2021	1.120.000		F1
137	Lê Văn Chiến	1/1/1971		ấp Rọc Lá, xã Tây Yên A	03/09/2021	1.120.000		F1
138	Trần Văn Khánh An	5/5/2001		ấp Rầy Mới, xã Tây Yên A	24/7/2021	1.120.000		F1
139	Trần Thị Trân		18/1/2002	ấp Rầy Mới, xã Tây Yên A	15/7/2021	1.120.000		F1
140	Đặng Minh Luân	27/2/2003		ấp 2 Tốt, xã Tây Yên A	03/09/2021	1.120.000		F1
141	Ngô Văn Dủ	24/6/1978		ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	25/10/2021	640.000		F1
142	Lê Thị Mỹ Huyền		17/1/1989	ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	25/10/2021	640.000		F1
143	Doãn Ngọc Chơn	16/1/1980		ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	25/10/2021	640.000		F1
144	Đặng Văn Mừng	1/1/1990		ấp 2 Tốt, xã Tây Yên A	03/09/2021	1.120.000		F1
145	Nguyễn Kim Vàng		1/1/1981	ấp 2 Tốt, xã Tây Yên A	03/09/2021	1.120.000		F1
146	Trần Văn Cương	1/1/1990		ấp 2 Tốt, xã Tây Yên A	03/09/2021	1.120.000		F1

147	Huỳnh Bá Quang	1/1/1991		ấp 2 Tốt, xã Tây Yên A	03/09/2021	1.120.000		F1
148	Phan Văn Gia	1/2/1953		ấp 2 Tốt, xã Tây Yên A	03/09/2021	1.120.000		F1
149	Lưu Văn Được	1/1/1969		ấp 2 Tốt, xã Tây Yên A	04/09/2021	1.120.000		F1
150	Đỗ Thị Thuý Nha		17/11/1987	ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	16/8/2021	1.120.000		F1
151	Lê Phương Linh		1/1/1984	ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	08/11/2021	800.000		F0
152	Nguyễn Thị Châu		2/12/1978	ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	08/11/2021	800.000		F0
153	Trần Thị Xiêu Hia		1/1/1963	ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	13/11/2021	800.000		F0
154	Võ Văn Đô	1/1/1963		ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	07/11/2021	800.000		F0
155	Huỳnh Thị Oanh		7/7/1966	ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	07/11/2021	800.000		F0
156	Nguyễn Thị Tuyền		1/1/1962	ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	19/11/2021	800.000		F0
157	Lê Thanh Bình	6/6/1992		ấp 2 Tốt, xã Tây Yên A	17/11/2021	800.000		F0
158	Dương Bá Tước	1/1/1973		ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	08/11/2021	800.000		F0
159	Phan Thị Kim Hoàng		1/1/1975	ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	08/11/2021	800.000		F0
160	Trần Kim Anh		1/1/1936	ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	08/11/2021	800.000		F0 NCT
161	Phan Trung Khải	17/2/2007		ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	08/11/2021	800.000		F0 TE
162	Dương Kim Xuyên		6/8/2009	ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	08/11/2021	800.000		F0 TE
163	Phan Khánh Ngọc		27/6/2009	ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	08/11/2021	800.000		F0 TE
164	Phan Khánh Toàn	10/12/2016		ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	08/11/2021	800.000		F0 TE
165	Dương Kim Tiến	5/10/2016		ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	08/11/2021	800.000		F0 TE
166	Lê Hoàng Phúc	29/7/2014		ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	25/10/2021	640.000		F1 TE
167	Lê Phúc Khánh	22/2/2017		ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	25/10/2021	640.000		F1 TE
168	Mai Bích Thuý		1/1/1976	ấp Cái Nước Ngọn, xã Đông Yên	20/7/2021	1.120.000		F1
169	Phạm Thị Kiều Trang		20/2/2000	ấp Cái Nước Ngọn, xã Đông Yên	20/7/2021	1.120.000		F1
170	Danh Thời	1/1/1990		ấp Xẻo Đước 3, xã Đông Yên	17/8/2021	1.680.000		F1
171	Thị Tốt		1/1/1965	ấp Tây Sơn 2, xã Đông Yên	24/7/2021	1.120.000		F1
172	Dương Văn Quý	1/1/1959		ấp Ngã Cay, xã Đông Yên	19/07/2021	1.120.000		F1
173	Đào Văn Vũ	11/20/1994		ấp Ngã Cay, xã Đông Yên	19/07/2021	1.120.000		F1
174	Dương Văn Mến	4/6/1997		ấp Ngã Cay, xã Đông Yên	19/07/2021	1.120.000		F1
175	Thị Lại		1/1/1956	ấp Tây Sơn 2, xã Đông Yên	24/07/2021	1.120.000		F1
176	Phạm Kiều Trinh		15/6/2010	ấp Cái Nước Ngọn, xã Đông Yên	20/7/2021	1.120.000		F1 TE
177	Phạm Thành Được	18/5/2015		ấp Cái Nước Ngọn, xã Đông Yên	20/7/2021	1.120.000		F1 TE



178	Trần Công Trện	1/1/1995		ấp Mường Quao, xã Tây Yên	04/09/2021	1.120.000		F1
179	Phạm Minh Thế	1/1/1990		ấp Mường Quao, xã Tây Yên	04/09/2021	1.120.000		F1
180	Lâm Văn Út	4/30/1959		ấp Mường Quao, xã Tây Yên	03/09/2021	1.120.000		F1
181	Nguyễn Văn Tèo	1/1/1967		ấp Mường Quao, xã Tây Yên	03/09/2021	1.120.000		F1
182	Nguyễn Văn Giàu	1/1/1965		ấp Mường Quao, xã Tây Yên	03/09/2021	1.120.000		F1
183	Nguyễn Văn Hùng	1/1/1980		ấp Mường Quao, xã Tây Yên	04/09/2021	1.120.000		F1
184	Phan Văn Tuyên	7/20/2005		ấp Mường Quao, xã Tây Yên	03/09/2021	1.120.000		F1
185	Lê Kiên Quyết	3/24/1984		Khu phố 4, thị trấn Thứ Ba	07/10/2021	560.000		F1
186	Lê Anh Hào	12/20/1976		Khu phố 2, thị trấn Thứ Ba	03/09/2021	1.120.000		F1
187	Danh Thương	5/15/1966		Khu phố 2, thị trấn Thứ Ba	16/08/2021	1.120.000		F1
188	Nguyễn Thanh Tùng	11/5/1971		Khu phố 2, thị trấn Thứ Ba	03/09/2021	1.120.000		F1
189	Nguyễn Chí Hiếu	8/7/1997		Khu phố 4, thị trấn Thứ Ba	03/10/2021	1.120.000		F1
190	Ung My Tây	8/5/1954		Khu phố Đông Quý, thị trấn Thứ Ba	21/08/2021	1.120.000		F1
191	Nguyễn Hoàng Nam	6/10/1992		Khu phố 5, thị trấn Thứ Ba	15/09/2021	1.120.000		F1
192	Chu Phương Bình	7/29/1995		Khu phố 5, thị trấn Thứ Ba	15/09/2021	1.120.000		F1
193	Phan Ngọc Nuôi		1/1/1969	Khu phố 3, thị trấn Thứ Ba	26/10/2021	640.000		F1
194	Trần Xiêm Huối	9/1/1986		Khu phố 2, thị trấn Thứ Ba	03/09/2021	1.120.000		F1
195	Phan Văn Dương	12/15/2003		ấp Trung Quý, xã Đông Thái	26/10/2021	640.000		F1
196	Phan Văn Dũng	1/1/1973		ấp Trung Quý, xã Đông Thái	26/10/2021	640.000		F1
197	Võ Bạch Đăng	1/1/1982		ấp Trung Quý, xã Đông Thái	25/10/2021	640.000		F1
198	Lê Tài Phú	2/22/1982		ấp Trung Quý, xã Đông Thái	25/10/2021	640.000		F1
199	Phan Ngọc Diệp		1/1/1963	ấp Trung Quý, xã Đông Thái	24/10/2021	720.000		F1
200	Phan Thanh Tào	12/27/1983		ấp Trung Quý, xã Đông Thái	24/10/2021	720.000		F1
201	Phan Thị Trang		1/1/1977	ấp Trung Quý, xã Đông Thái	26/10/2021	640.000		F1
202	Trần Thuý Phụng		5/25/2000	ấp Trung Quý, xã Đông Thái	25/10/2021	640.000		F1
203	Trần Trung Tín	12/6/2002		ấp 7 Chợ, xã Đông Thái	24/10/2021	720.000		F1
204	Trần Công Tạo	3/19/1978		ấp 7 Chợ, xã Đông Thái	25/10/2021	640.000		F1
205	Phan Thị Thảo		1/1/1982	ấp 7 Chợ, xã Đông Thái	25/10/2021	640.000		F1
206	Đỗ Thị Đẹp		1/1/1972	ấp Nam Quý, xã Đông Thái	26/10/2021	640.000		F1
207	Nguyễn Thị Út		1/1/1980	ấp Nam Quý, xã Đông Thái	25/10/2021	640.000		F1
208	Đỗ Văn Đờ	1/1/1976		ấp Nam Quý, xã Đông Thái	25/10/2021	640.000		F1
209	Phan Thị Tài		1/1/1952	ấp Trung Quý, xã Đông Thái	26/10/2021	640.000		F1
210	Nguyễn Thanh Bình	1/1/1988		ấp Trung Quý, xã Đông Thái	01/12/2021	960.000		F0

211	Nguyễn Thị Thanh Vẹn		1/1/1969	ấp Đông Thành, xã Đông Thái	05/11/2021	1.040.000		F0
212	Thị Hành Na		1/1/1993	ấp Dân Quân, xã Đông Thái	01/12/2021	800.000		F0
213	Võ Thị Lan		1/1/1957	ấp Trung Quý, xã Đông Thái	09/12/2021	800.000		F0
214	Phạm Văn Linh	1/1/1960		ấp 7 Chợ, xã Đông Thái	17/11/2021	800.000		F0
215	Thái Quốc Tuấn	9/3/1960		Phường An Bình, TP Rạch Giá	06/11/2021	880.000		0913144657 (F0)
216	Trần Anh Tuấn	3/19/1964		Thị trấn Sóc Sơn, huyện Hòn Đất	08/11/2021	640.000		0339031942 (F0)
217	Phan Thị Hà		3/10/1969	Thị trấn Sóc Sơn, huyện Hòn Đất	08/11/2021	640.000		0339031942 (F0)
Tổng cộng						189.840.000		
II	TRẺ EM NHẬN HỖ TRỢ							
1	Mai Thanh Nhã	14/1/2009		ấp Xẻo Rô, xã Hưng Yên	20/7/2021	1.000.000		F1 TE
2	Mai Khanh		20/8/2014	ấp Xẻo Rô, xã Hưng Yên	20/7/2021	1.000.000		F1 TE
3	Nguyễn Trọng Khang	10/10/2011		ấp Lô 15, xã Hưng Yên	08/11/2021	1.000.000		F0 TE
4	Đặng Huy Khánh	25/2/2009		ấp Xẻo Rô, xã Hưng Yên	08/11/2021	1.000.000		F0 TE
5	Lê Thanh Tú	5/17/2009		ấp Xẻo Rô, xã Hưng Yên	26/11/2021	1.000.000		F0 TE
6	Trần Minh Đức	11/22/2019		ấp Cái Nước, xã Hưng Yên	26/11/2021	1.000.000		F0 TE
7	Dương Thắng Trộn	5/13/2019		ấp Lô 3, xã Hưng Yên	02/12/2021	1.000.000		F0 TE
8	Nguyễn Thị Cẩm Huyền		26/12/2007	ấp Yên Quý, xã Nam Yên	22/11/2021	1.000.000		F0 TE
9	Thị Ngọc Thảo		29/9/2019	ấp Bào Trâm, xã Nam Yên	24/11/2021	1.000.000		F0 TE
10	Danh Thị Cẩm Tú		4/1/2008	ấp Bào Trâm, xã Nam Yên	15/7/2021	1.000.000		F1 TE
11	Nguyễn Mỹ Tâm		18/10/2012	ấp 6 Đình, xã Nam Thái	12/12/2021	1.000.000		F0 TE
12	Huỳnh Văn Tới	10/1/2009		ấp 5 Biên A, xã Nam Thái	08/11/2021	1.000.000		F0 TE
13	Trần Võ Minh Long	3/12/2015		ấp 6 Đình, xã Nam Thái	16/11/2021	1.000.000		F0 TE
14	Phan Huy Hoàng	25/3/2015		ấp 5 Biên A, xã Nam Thái	05/11/2021	1.000.000		F0 TE
15	Huỳnh Trục Chiến	1/9/2008		ấp 5 Biên A, xã Nam Thái	07/11/2021	1.000.000		F0 TE
16	Trần Võ Minh Phát	26/10/2019		ấp 6 Đình, xã Nam Thái	16/11/2021	1.000.000		F0 TE
17	Danh Lê Phương Uyên		25/12/2006	ấp 6 Đình, xã Nam Thái	18/11/2021	1.000.000		F0 TE
18	Huỳnh Văn Luân	8/10/2012		ấp 5 Biên B, xã Nam Thái	05/11/2021	1.000.000		F0 TE
19	Trần Thị Huyền Trân		4/5/2013	ấp 5 Biên A, xã Nam Thái	05/11/2021	1.000.000		F0 TE

20	Trần Thị Thảo Nguyễn		8/12/2008	ấp 5 Biển A, xã Nam Thái	05/11/2021	1.000.000		F0 TE
21	Trần Nguyễn Hồng Ngọc		3/2/2013	ấp 5 Biển, xã Nam Thái	08/11/2021	1.000.000		F0 TE
22	Thị Nguyễn		8/12/2016	ấp Bào Láng, xã Nam Thái	13/11/2021	1.000.000		F0 TE
23	Danh Trắng	3/27/2020		ấp Bào Láng, xã Nam Thái	19/11/2021	1.000.000		F0 TE
24	Thị Nhung		2/19/2018	ấp Bào Láng, xã Nam Thái	13/11/2021	1.000.000		F0 TE
25	Trần Kim Anh		1/1/1936	ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	08/11/2021	1.000.000		F0 NCT
26	Phan Trung Khải	17/2/2007		ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	08/11/2021	1.000.000		F0 TE
27	Dương Kim Xuyên		6/8/2009	ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	08/11/2021	1.000.000		F0 TE
28	Phan Khánh Ngọc		27/6/2009	ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	08/11/2021	1.000.000		F0 TE
29	Phan Khánh Toàn	10/12/2016		ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	08/11/2021	1.000.000		F0 TE
30	Dương Kim Tiên	5/10/2016		ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	08/11/2021	1.000.000		F0 TE
31	Lê Hoàng Phúc	29/7/2014		ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	25/10/2021	1.000.000		F1 TE
32	Lê Phúc Khánh	22/2/2017		ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A	25/10/2021	1.000.000		F1 TE
33	Phạm Kiều Trinh		15/6/2010	ấp Cái Nước Ngọn, xã Đông Yên	20/7/2021	1.000.000		F1 TE
34	Phạm Thành Đước	18/5/2015		ấp Cái Nước Ngọn, xã Đông Yên	20/7/2021	1.000.000		F1 TE
Cộng						34.000.000		
Tổng cộng						223.840.000		

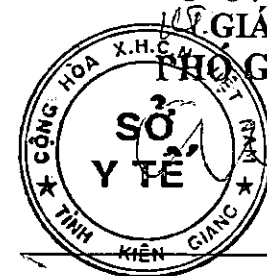
(Bằng chữ: Hai trăm hai mươi ba triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn)

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Văn Trung

Kiên Giang, ngày 18 tháng 02 năm 2022



GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trúc Giang